

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 68/2019/HS-ST
Ngày: 26-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ất

2. Bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thị D, sinh năm 1986 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Đặng Thị M (đã chết); có chồng là anh Nguyễn Tấn T và 02 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2019 - Có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Anh Phan Thạch A, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 3, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Anh Lương Văn T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 10, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Anh Ngô Trần Duy T1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 6, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 6, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

(Những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an thị xã Gia Nghĩa bắt quả tang Lương Văn T và Ngô Trần Duy T1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại tổ 2, phường N, thị xã G. T và T1 khai nhận nguồn gốc ma túy đang sử dụng là mua của Nguyễn Tiến Đ, trú tại tổ 3, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 24/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đ. Theo lời khai của Đ nguồn gốc ma túy Đ bán cho T và T1 là của Phan Thạch A, trú tại tổ 3, phường Nghĩa T, thị xã G mua của Lê Thị D vào ngày 23/6/2019 rồi đưa cho Đ bán. Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của D tại tổ 1, phường N, thị xã G phát hiện và thu giữ được 03 túi nilon bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy đá); 01 túi nilon bên trong chứa bột tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy dạng Khay) cùng nhiều dụng cụ để sử dụng ma túy. Tại Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa, D khai nhận nguồn gốc số ma túy đá D mua của một đối tượng nữ tên B (chưa rõ nhân thân) vào ngày 22/6/2019 với giá 20.000.000 đồng, còn số ma túy loại Khay là do một người quen tên V (chưa rõ nhân thân) cho trước đó khoảng 01 tháng để dùng thử. D không thừa nhận việc bán ma túy cho A, việc A mua ma túy của ai và đưa cho Đ thế nào D không biết và D cũng không quen biết Đ.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- 01 hộp kim loại dạng tròn màu đỏ vàng dài 9,7cm, đường kính 6,7cm, bên trong đựng: 03 túi nilon màu trắng, có cùng kích thước (6,2 x 10)cm, bên trong túi chứa các hạt tinh thể màu trắng (ký hiệu số 01) và 01 túi nilon màu trắng, miệng sọc màu đỏ, kích thước (02 x 03)cm, bên trong chứa bột tinh thể màu trắng (ký hiệu số 02);

- 01 hộp giấy hình vuông chàm bi màu xanh – trắng, kích thước (25 x 25 x 10)cm, bên trong đựng: 01 cân điện tử Nuni bằng nhựa, màu đen, kích thước (7,5 x 04 x 01)cm; 02 kéo kim loại màu trắng, dài 16cm; 02 kéo kim loại màu trắng, dài 10,3cm; 01 cuộn băng keo màu xanh, đường kính 9,8cm, rộng 2,3cm; 01 quẹt gas bằng nhựa màu đỏ trắng, kích thước 7,7cm; 09 túi nilon màu trắng, kích thước (6,2 x 10)cm; 03 ống thủy tinh màu trắng dài 19,5cm, đường kính 0,6cm; 01 ống thủy tinh màu trắng có vôi cong, dài 14,3cm, đường kính 0,6cm; 04 ống hút nhựa (01 ống màu vàng, 03 ống màu xanh), một đầu được cắt vát nhọn, chiều dài trung bình từ 7,5cm đến 8,7cm.

- 01 bình thủy tinh dạng tròn màu trắng, dài 12cm, đường kính đáy bình 3,9cm, trên nắp bình có gắn ống thủy tinh màu trắng, có vôi cong và ống hút nhựa màu trắng.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.050.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh đen, gấn sim số 0857.427.127.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, số Imeil: 354386060405896.

Tại Bản kết luận giám định số 53/KLMT-PC09, ngày 02/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Tinh thể màu trắng trong 03 túi nilon (ký hiệu số 01) được niêm phong gửi giám định có khối lượng là 35,8783 gam Methamphetamine. Hoàn trả lại đối tượng giám định khối lượng 24,7284 gam (được niêm phong trong bì thư mặt trước có ký hiệu 53/PC09 và ghi mẫu M02 hoàn trả; có chữ ký của giám định viên, đại diện Công an thị xã Gia Nghĩa và đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông); Chất bột màu trắng đựng trong túi nilon (ký hiệu số 02) được niêm phong gửi giám định có khối lượng là 0,0632 gam. Chưa có đủ căn cứ kết luận chất bột trên là ma túy. Hoàn trả lại đối tượng giám định khối lượng 0,0490 gam (được niêm phong trong bì thư có ký hiệu 53/PC09, có ghi mẫu M03 hoàn trả, có chữ ký của giám định viên, đại diện Công an thị xã Gia Nghĩa và đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông).

Tại Bản kết luận giám định số 778/C09C (Đ4), ngày 31/7/2019 của Phân viện kỹ thuật hình sự - Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận: 0,0490 gam chất rắn màu trắng (dạng bột - mẫu M03 hoàn trả) đựng trong túi nilon không màu, trên miệng túi có viên màu đỏ gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Mẫu vật đã phân tích hết trong quá trình giám định.

Tại Cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 07 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã truy tố Lê Thị D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 249 của BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Lê Thị D từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm tù; Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của BLHS; các khoản 1, khoản 2 Điều 106 của BLTTHS, tịch thu, tiêu hủy: 24,7284 gam ma túy loại Methamphetamine (*Được niêm phong trong bì thư mặt trước có ký hiệu 53/PC09 và ghi mẫu M02 hoàn trả, có chữ ký của giám định viên, đại diện Công an thị xã Gia Nghĩa và đóng dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông*); 01 hộp kim loại; 01 hộp giấy hình vuông; 01 cân điện tử; 04 kéo kim loại; 01 quẹt gas; 09 túi nilon; 04 ống thủy tinh; 04 ống hút nhựa và 01 bình thủy tinh; Chấp nhận ngày 17/7/2019 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa đã trả lại cho Lê Thị D số tiền 3.050.000 đồng; 02 điện thoại di động Nokia và Iphone (*có đặc điểm như trong biên bản thu giữ*).

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị D không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu đã thu thập hợp pháp được lưu trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Bị cáo Lê Thị D bị nghiện ma túy. Ngày 24/6/2019, tại nhà trọ thuộc tổ 1, phường N, thị xã G, D đã cất giữ trái phép 35,8783gam ma túy loại Methamphetamine và 0,0632gam ma túy loại Ketamine để sử dụng.

Hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 35,8783 gam ma túy loại Methamphetamine của bị cáo Dung thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 BLHS (...Methamphetamine... có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam). Còn hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 0,0632 gam ma túy loại Ketamine (Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, số thứ tự 35 của Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ) thuộc trường hợp dưới mức tối thiểu được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 BLHS (Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 đến dưới 20 gam).

Theo Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số Điều của BLHS năm 2015 thì đây là trường hợp có từ 02 chất ma túy trở lên có khối lượng dưới mức tối thiểu đối với từng chất theo quy định tại khoản 4 Điều 249 BLHS, trong đó có 01 chất có khối lượng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 249 BLHS. Vì vậy, cần áp dụng khoản 4 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP của Chính phủ để tính tổng phần trăm khối lượng ma túy mà Lê Thị D tàng trữ trái phép. Tỷ lệ phần trăm khối lượng 35,8783 gam ma túy loại Methamphetamine và khối lượng 0,0632 gam ma túy loại Ketamine được tính như sau:

- Phần trăm khối lượng Methamphetamine: $\frac{35,8783\text{gam} \times 100\%}{100} = 35,8783\%.$

- Phần trăm khối lượng Ketamine: $\frac{0,0632 \text{ gam} \times 100\%}{300} = 0,021\%.$

Tổng tỷ lệ phần trăm của 02 chất ma túy trên là: 35,8783 % + 0,021% = 35,8993%, làm tròn thành 35,9%. Như vậy, tỷ lệ phần trăm khối lượng của Methamphetamine và Ketamine là dưới 100%, thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 BLHS.

Vì vậy, có căn cứ kết luận bị cáo Lê Thị D phạm tội “Tàng trữ trái phép trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 BLHS.

Điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm...

2...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

...

b) Herôin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc CLX-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

...

h) Có hai chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Hành vi đó không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Do vậy, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù với mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời nhằm phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bị cáo D không có tài sản, không có việc làm, không có khả năng thi hành án nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Việc xử lý vật chứng:

- Đối với 24,7284 gam ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 hộp kim loại; 01 hộp giấy hình vuông; 01 cân điện tử; 04 kéo kim loại; 01 cuộn băng keo; 01 quẹt gas; 09 túi nilon; 04 ống thủy tinh; 04 ống hút nhựa và 01 bình thủy tinh là các dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy, là những vật không có giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Số tiền 3.050.000 đồng và 02 điện thoại di động Nokia và Iphone là các tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã trả lại cho Lê Thị D là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] Đối với các đối tượng tên B và V, là những người mà bị cáo khai đã bán và đưa ma túy cho bị cáo tàng trữ trái phép, Cơ quan CSĐT chưa xác minh được nhân thân, lai lịch; Đối tượng Phan Thạch A không thừa nhận việc mình mua ma túy của D đưa cho Đ bán, Cơ quan CSĐT chưa chứng minh được hành vi mua bán trái phép chất ma túy của A nên HĐXX không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi bán trái phép ma túy của Nguyễn Tiến Đ và hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lương Văn T và Ngô Trần Duy T1 là độc lập, không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lê Thị D. Cơ quan CSĐT đã tách thành vụ án riêng để xử lý theo quy định pháp luật nên không đề cập xử lý.

[9] Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Lê Thị D về tội danh và Điều luật như Cáo trạng là có căn cứ, quan điểm đề nghị về mức hình phạt, về xử lý vật chứng của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí và về quyền kháng cáo: Bị cáo D phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị D 11 (*mười một*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/6/2019.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 24,7284 gam ma túy loại Methamphetamine; 01 hộp kim loại; 01 hộp giấy hình vuông; 01 cân điện tử; 04 kéo kim loại; 01 cuốn băng keo; 01 quẹt gas; 09 túi nilon; 04 ống thủy tinh; 04 ống hút nhựa và 01 bình thủy tinh (*có đặc điểm như biên bản giao nhận nhận vật chứng ngày 13/11/2019 giữa Công an thị xã Gia Nghĩa và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa*).

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã trả lại số tiền 3.050.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Iphone cho bị cáo Lê thị D.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Thị D phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PC06, PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã Gia Nghĩa;
- Công an thị xã Gia Nghĩa;
- Phòng HS, NV CA.TX.Gia Nghĩa.
- CCTHADS thị xã Gia Nghĩa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Thắm